

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 409/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09-12-2021

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Đoàn

Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 392/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2021 về việc: “*Tranh chấp về ly hôn*”; theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 26/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Q**, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay tại: T, K, W, Hòa Bình.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu D**, sinh năm 1980

Nơi ĐKKHKT tại: Thôn Vàng, xã Cổ Bi, huyện K, thành phố Hà Nội. Anh D hiện đang cai nghiện tại Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội số VI Hà Nội - Địa chỉ: Xã M, huyện S, thành phố Hà Nội.

(Chị Q có mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Hữu D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cổ Bi, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 25/7/2006. Sau khi cưới, tôi và anh D sinh sống cùng với nhau tại nhà chồng ở thôn Vàng, xã Cổ Bi, huyện K, thành phố Hà Nội. Tôi và anh D sống với nhau được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan

điểm sống của mỗi người không hợp nhau và không có tiếng nói chung với nhau. Hơn nữa, anh D công việc không ổn định, không chịu khó làm ăn. Đến tháng 12/2007, tôi phát hiện anh D nghiện ma túy tôi đã khuyên anh D từ bỏ ma túy nhưng anh D không từ bỏ được và thường xuyên to tiếng với tôi dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 10/2009 cho đến nay. Nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên tôi đề nghị Toà án giải Q cho tôi được ly hôn với anh D trong thời gian sớm nhất để tôi sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung và công nợ chung vợ chồng: Tôi và anh D không có tài sản chung và không vay nợ ai nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải Q về tài sản và công nợ chung vợ chồng.

- Về án phí sơ thẩm: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**** Bị đơn anh Nguyễn Hữu D trình bày:***

Tôi và chị Phạm Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cổ Bi, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 25/7/2006. Sau khi cưới, tôi và chị Q sống chung với nhau được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của mỗi người không hợp nhau và không có tiếng nói chung với nhau. Tôi và chị Q đã sống ly thân từ tháng 10/2009 cho đến nay. Nay, chị Q xin ly hôn với tôi, tôi đồng ý.

- Về con chung và tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Tôi và chị Q không có con chung; tài sản chung và không vay nợ ai nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải Q.

**** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải Q vụ án như sau:***

- Về tố tụng:

+ Về thẩm quyền: Toà án nhân dân huyện K đã thụ lý và giải Q vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định.

+ Thẩm phán lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải; tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên toà đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn, Bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q và công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh D.

- Về con chung và tài sản chung, công nợ: Hai anh chị không yêu cầu Toà án giải Q.

- Về án phí: Vụ án thụ lý ngày 08/11/2021 nên đề nghị áp dụng Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để giải Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân:

[1]. Chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Hữu D xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2006 tại UBND xã Cổ Bi, huyện K, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai anh chị sống với nhau được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của mỗi người không hợp nhau và không có tiếng nói chung với nhau. Hơn nữa, anh D công việc không ổn định, không chịu khó làm ăn và đến tháng 12/2007, chị Q phát hiện anh D nghiện ma túy đã khuyên anh D từ bỏ ma túy nhưng anh D không từ bỏ và vợ chồng thường xuyên to tiếng với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2009 cho đến nay. Nay, chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn. Anh D cũng đồng ý ly hôn.

[2]. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh D đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, tình cảm vợ chồng của hai anh chị không thể hàn gắn, đoàn tụ. Nay, chị Q xin ly hôn và anh D nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận và công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh D là có căn cứ và phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Về việc nuôi con:

[3]. Chị Q và anh D không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải Q.

- Về tài sản chung và công nợ:

[4]. Chị Q và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải Q.

- Về án phí:

[5]. Do chị Q và anh D thuận tình ly hôn nên hai anh chị phải chịu 50% mức án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tại Tòa án, chị Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nên ghi nhận.

- Về quyền kháng cáo:

[6]. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

Q ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Hữu D.

2. Về việc nuôi con: Hai anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải Q.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Q và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải Q.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Q tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Q đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2020/0072926 ngày 18/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hà Nội. Nay, chị Q được hoàn trả 150.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Chị Q có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

